

**TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ  
THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**CHO KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/01/2024 ĐẾN NGÀY 30/06/2024**



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 63

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP (sau đây được gọi là "Tổng Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Đình Toàn	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 30/07/2024
Ông Lê Việt Thảo	Thành viên	
Ông Võ Văn Lưu	Thành viên	
Ông Nguyễn Anh Thắng	Thành viên	

#### **Ban Kiểm soát**

Ông Phùng Văn Tân	Trưởng Ban	Tái bổ nhiệm ngày 30/07/2024
Ông Đào Anh Dũng	Thành viên	
Bà Trần Thị Thanh Vân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30/07/2024

#### **Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

Ông Lê Việt Thảo	Tổng Giám đốc
Ông Võ Văn Lưu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Thắng	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng của Tổng Công ty là ông Bùi Văn Minh.

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

### **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 là ông Lê Việt Thảo.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30/06/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Tổng Công ty áp dụng đối với Tổng Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lê Việt Thảo  
Tổng Giám đốc

Hà Tĩnh, ngày 20 tháng 08 năm 2024



**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*Về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty Khoáng sản  
và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP*  
*cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024*

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP**

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) được lập ngày 20 tháng 08 năm 2024, từ trang 06 đến trang 63 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/06/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP tại ngày 30/06/2024, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC theo Báo cáo kiểm toán số 300324.004/BCTC.KT3 ngày 30/03/2024 với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC theo Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ số 290823.013/BCTC.KT3 ngày 29/08/2023 với kết luận chấp nhận toàn phần.



**Bùi Minh Đức**

**Giám đốc kiểm toán**

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 5596-2021-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**TỔNG CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

*Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2024*

Mẫu số B01a-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30/06/2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>221.383.050.298</b>	<b>220.198.541.402</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>6.216.451.320</b>	<b>5.930.517.004</b>
Tiền	111		6.216.451.320	5.930.517.004
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>44.892.631.222</b>	<b>35.373.137.348</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.1	44.892.631.222	35.373.137.348
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>137.293.367.446</b>	<b>143.487.897.640</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	134.778.507.332	132.299.479.865
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	10.181.791.309	10.327.087.880
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	22.893.705.392	26.403.804.392
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	7.347.371.852	11.698.697.418
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(37.908.008.439)	(37.241.171.915)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>29.658.587.842</b>	<b>31.294.249.513</b>
Hàng tồn kho	141	10	29.658.587.842	31.294.249.513
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.322.012.468</b>	<b>4.112.739.897</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	1.060.936.192	598.783.187
Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.261.076.276	3.513.956.710

Mẫu số B01a-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Tại ngày 30/06/2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.112.974.604.359</b>	<b>1.116.669.202.924</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>365.767.343.824</b>	<b>365.767.343.824</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215	8	365.767.343.824	365.767.343.824
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>137.932.670.832</b>	<b>143.612.950.611</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	13	131.622.806.832	136.895.998.611
- Nguyên giá	222		296.713.678.601	296.676.681.842
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(165.090.871.769)	(159.780.683.231)
Tài sản cố định vô hình	227	14	6.309.864.000	6.716.952.000
- Nguyên giá	228		20.147.814.890	20.147.814.890
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(13.837.950.890)	(13.430.862.890)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>15</b>	<b>70.541.787.795</b>	<b>71.610.465.981</b>
- Nguyên giá	231		85.494.254.799	85.494.254.799
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(14.952.467.004)	(13.883.788.818)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>16</b>	<b>2.152.268.180</b>	<b>2.152.268.180</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.152.268.180	2.152.268.180
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.2</b>	<b>504.678.273.166</b>	<b>500.399.441.812</b>
Đầu tư vào công ty con	251		384.969.733.498	384.969.733.498
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		8.214.281.603	8.214.281.603
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		247.439.088.500	247.439.088.500
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(135.944.830.435)	(140.223.661.789)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>31.902.260.562</b>	<b>33.126.732.516</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	31.902.260.562	33.126.732.516
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.334.357.654.657</b>	<b>1.336.867.744.326</b>



Mẫu số B01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Tại ngày 30/06/2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>198.243.205.052</b>	<b>204.254.331.596</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>183.223.205.052</b>	<b>189.234.331.596</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	106.718.971.246	107.017.004.991
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	2.562.804.137	3.033.604.137
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	564.282.654	256.505.846
Phải trả người lao động	314		6.986.574.000	3.235.423.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	838.355.230	17.547.230
Phải trả ngắn hạn khác	319	22	18.988.028.509	19.010.720.116
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	41.210.000.000	48.480.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.354.189.276	8.183.526.276
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>15.020.000.000</b>	<b>15.020.000.000</b>
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	15.020.000.000	15.020.000.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.136.114.449.605</b>	<b>1.132.613.412.730</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>23</b>	<b>1.122.747.669.401</b>	<b>1.118.953.849.826</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.101.135.914.618	1.101.135.914.618
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.101.135.914.618	1.101.135.914.618
Quỹ đầu tư phát triển	418	23.5	16.551.823.000	16.551.823.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.059.931.783	1.266.112.208
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.266.112.208	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.793.819.575	1.266.112.208
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	24	13.366.780.204	13.659.562.904
Nguồn kinh phí	431		13.366.780.204	13.659.562.904
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.334.357.654.657</b>	<b>1.336.867.744.326</b>

Hà Tĩnh, ngày 20 tháng 08 năm 2024

Người lập biểu

Võ Thị Hoa

Kế toán trưởng

Bùi Văn Minh



Lê Việt Thảo

MẪU SỐ B02a-DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	174.244.361.485	147.643.117.198
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		174.244.361.485	147.643.117.198
Giá vốn hàng bán	11	27	178.789.410.658	150.639.694.463
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(4.545.049.173)	(2.996.577.265)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	22.819.565.700	23.671.293.564
Chi phí tài chính	22	29	(2.644.526.985)	9.844.051.142
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.634.304.369	1.750.333.053
Chi phí bán hàng	25	30	241.918.700	197.387.925
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	16.185.880.351	8.357.762.372
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.491.244.461	2.275.514.860
Thu nhập khác	31	31	193.660.488	386.672.729
Chi phí khác	32	32	891.085.374	46.383.765
Lợi nhuận khác	40		(697.424.886)	340.288.964
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.793.819.575	2.615.803.824
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.793.819.575	2.615.803.824

Hà Tĩnh, ngày 20 tháng 08 năm 2024

Người lập biểu

Võ Thị Hoa

Kế toán trưởng

Bùi Văn Minh

Tổng Giám đốc



Lê Viết Thảo

Mẫu số B03a - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024


Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
			VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		180.727.110.803	159.826.240.672
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(164.993.314.302)	(164.358.397.457)
Tiền chi trả cho người lao động	02		(9.208.336.784)	(8.551.888.317)
Tiền lãi vay đã trả	04		(1.634.304.369)	(1.190.125.644)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		4.782.905.858	1.966.706.200
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(13.545.350.703)	(17.600.778.255)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(3.871.289.497)</b>	<b>(29.908.242.801)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(36.996.759)	-
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	386.672.729
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(19.168.609.912)	(17.891.464.064)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		13.712.293.947	39.402.281.423
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(14.675.000.000)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		16.920.536.537	17.406.313.564
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>11.427.223.813</b>	<b>24.628.803.652</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		3.004.216.000	-
Tiền trả nợ gốc vay	34		(10.274.216.000)	(5.253.804.241)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(7.270.000.000)</b>	<b>(5.253.804.241)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>285.934.316</b>	<b>(10.533.243.390)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4	5.930.517.004	13.993.597.033
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	6.216.451.320	3.460.353.643

Hà Tĩnh, ngày 20 tháng 08 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

  
Võ Thị Hoa

  
Bùi Văn Minh





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc tỉnh Hà Tĩnh được chuyển đổi hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 11/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh.

Trụ sở chính của Tổng Công ty hiện đặt tại số 02 Vũ Quang - phường Trần Phú - thành phố Hà Tĩnh - tỉnh Hà Tĩnh.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo đăng ký là 1.101.135.914.618 VND (Một nghìn một trăm linh một tỷ, một trăm ba mươi lăm triệu, chín trăm mười bốn nghìn, sáu trăm mười tám đồng), vốn điều lệ thực góp đến 30/06/2024 là 1.101.135.914.816 VND tương đương 110.113.591 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là: 133 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 135 người).

**1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH**

**Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty:**

Khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, chăn nuôi.

**Các ngành nghề kinh doanh chính của Tổng Công ty bao gồm:**

- Khai thác chế biến, kinh doanh các loại khoáng sản, quặng có chất phóng xạ;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; sản xuất các sản phẩm gốm sứ; sản xuất xi măng, vôi, thạch cao; sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng, thạch cao;
- Chăn nuôi trâu, bò, heo, hươu, gia cầm.

**1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP**

Tại ngày 30/06/2024 Tổng Công ty có các Công ty con bao gồm:

**Công ty con:**

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty Cổ phần Thiên Ý 2	Số 02, Vũ Quang, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh	75,00%	75,00%	Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng
2	Công ty Cổ phần Thương mại Mitraco	Số 02, Vũ Quang, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh	73,00%	73,00%	Kinh doanh thương mại tổng hợp



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

*Công ty con:*

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
3	Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan	Xã Phú Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh	50,95%	50,95%	Sản xuất kinh doanh quặng Mangan và chăn nuôi
4	Công ty Cổ phần Vận tải và Xây dựng	Thị trấn Thạch Hà, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh	79,44%	79,44%	Kinh doanh vận tải và xây lắp
5	Công ty TNHH MTV Việt Lào	Huyện Xebangfay, tỉnh Khammoun, Lào	100%	100%	Sản xuất kinh doanh các sản phẩm thạch cao
6	Công ty Cổ phần Gạch ngói Mitraco	Xã Kỳ Tiên, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh	60,00%	60,00%	Sản xuất kinh doanh gạch ngói
7	Công ty Cổ phần Chăn nuôi Mitraco	Xã Thạch Vĩnh, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh	51,28%	51,28%	Sản xuất kinh doanh lợn giống, lợn siêu nạc
8	Công ty Cổ phần Thức ăn chăn nuôi Thiên Lộc	Xã Thiên Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh	60,64%	60,64%	Sản xuất kinh doanh thức ăn gia súc, gia cầm
9	Công ty Cổ phần Phát triển Nông lâm Hà Tĩnh	Xóm 10, thị trấn Đức Thọ, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh	58,70%	58,70%	Sản xuất kinh doanh lợn giống, lợn siêu nạc
10	Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Mitraco	Thị trấn Cẩm Xuyên, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh	63,83%	63,83%	Xây lắp và thi công cơ khí
11	Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Lào - Việt	Xã Kỳ Lợi, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh	53,00%	53,00%	Dịch vụ cảng biển
12	Công ty Cổ phần Vật liệu và Phụ gia sắt Thạch Khê	Xã Xuân Lĩnh, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh	91,85%	91,85%	Sản xuất kinh doanh đá xây dựng
13	Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và Phát triển Hạ tầng Mitraco	Số 02, Vũ Quang, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh	100%	100%	Xây lắp công trình

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

*Công ty con:*

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
14	Công ty TNHH Giồng và Vật tư Nông nghiệp Mitraco	Xã Thiên Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh	100%	100%	Sản xuất kinh doanh giồng và vật tư nông nghiệp
15	Công ty TNHH Thực phẩm Chế biến Mitraco	Phường Kỳ Trinh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh	100%	100%	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt
16	Công ty TNHH Logistic Quốc tế Lào Việt - Công ty con của Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Lào - Việt	Khu kinh tế Vũng Áng, xã Kỳ Lợi, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam	53,00%	100%	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy

Tại ngày 30/06/2024, Tổng Công ty có các Công ty liên doanh, liên kết và các Công ty đầu tư khác bao gồm:

*Công ty liên doanh, liên kết:*

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Hà Tĩnh	Xã Kỳ Phương, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh	26,67%	26,67%	Sản xuất kinh doanh đá xây dựng

*Đầu tư vào đơn vị khác:*

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty Cổ phần Thủy điện Hương Sơn	Km 70 - Quốc lộ 8A - Xã Sơn Kim 1, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh	19,75%	19,75%	Sản xuất truyền tải và phân phối điện

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

*Đầu tư vào đơn vị khác (tiếp)*

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
2	Công ty Cổ phần Sắt Thạch Khê	64 Phan Đình Phùng, phường Nam Hà, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh	9,93%	9,93%	Khai thác quặng sắt; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Bán buôn kim loại và quặng kim loại
3	Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Phát Mitraco	Số 02 đường Vũ Quang, phường Trần Phú, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh	1,08%	1,08%	Khai thác quặng sắt; quặng kim loại khác không chứa sắt; quặng kim loại quý hiếm
4	Công ty Cổ phần Xăng dầu đầu khí Vũng Áng	Số 417 Trần Phú, thành phố Hà Tĩnh, Hà Tĩnh	10%	10%	Kinh doanh xăng dầu; cho thuê kho, cảng xăng dầu
5	Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin Lam Hồng	Số 33 đường Trần Phú, phường Trần Phú, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh	10%	10%	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm
6	Công ty Cổ phần Vinatex Hồng Lĩnh	Cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp Nam Hồng, phường Nam Hồng, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh	1,25%	1,25%	Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu các loại sản phẩm sợi, dệt, nhuộm, may mặc.

*Thông tin về các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 5.*

**1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 của Tổng Công ty đã được kiểm toán.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các báo cáo tài chính này nên đọc các báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các Công ty con cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

**2.2 KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

**2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này:

**3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH**

Các chính sách kế toán Tổng Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023.

**3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc chuyển đổi giá trị của các khoản này.

**3.4 CÁC GIAO DỊCH BẰNG NGOẠI TỆ**

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo tỷ giá thực tế của ngân hàng thương mại tại thời điểm cuối kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

**3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

***Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu và các khoản đầu tư khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập từ lãi các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

***Đầu tư vào Công ty con***

Khoản đầu tư được trình bày là khoản đầu tư vào Công ty con khi Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát đơn vị được đầu tư. Kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh đó.

Một khoản đầu tư được coi là nắm được quyền kiểm soát của đơn vị được đầu tư khi Tổng Công ty nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị đó trừ khi quyền sở hữu đó không gắn liền quyền kiểm soát. Nếu Tổng Công ty không nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị khác thì Tổng Công ty vẫn có thể có được quyền kiểm soát đơn vị nếu Tổng Công ty có:

- Quyền lớn hơn 50% quyền biểu quyết của đơn vị nhờ có một thoả thuận với các nhà đầu tư khác;
- Quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị theo một qui chế hay một thoả thuận;
- Quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị theo một qui chế hay một thoả thuận;
- Quyền bổ nhiệm, bãi miễn đa số thành viên Hội đồng Quản trị (hoặc một bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị; hoặc
- Quyền bỏ phiếu quyết định trong các cuộc họp Hội đồng Quản trị (hoặc bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị.

Thời điểm ghi nhận ban đầu của khoản đầu tư vào Công ty con được mua trong kỳ là ngày mà Tổng Công ty đạt được quyền kiểm soát thực tế đối với đơn vị được đầu tư. Trên báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty, các khoản đầu tư vào Công ty con được trình bày theo giá gốc (giá mua và các chi phí mua trực tiếp liên quan) trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư. Việc lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ vào giá trị khoản lỗ lũy kế trên báo cáo tài chính của Công ty con và có thể được hoàn nhập khi có lãi. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

***Đầu tư vào Công ty liên kết***

Công ty liên kết: Là doanh nghiệp mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

***Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:***

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

**3.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Tổng Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng Công ty;
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

**3.7 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.7 HÀNG TỒN KHO (TIẾP)**

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 40
- Máy móc, thiết bị	03 - 10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 05
- Các tài sản khác	08

**3.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH (TIẾP)**

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty bao gồm Quyền sử dụng đất, phần mềm và tài sản khác. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Quyền sử dụng đất	20
- Phần mềm máy tính	02 - 05
- Các tài sản khác	10

**3.10 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm: cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

**3.11 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, trước ngày 01/01/2015 được tính trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương tự như các tài sản khác, kể từ ngày 01/01/2015 không thực hiện trích khấu hao.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	40

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.12 THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**3.13 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 01 năm.
- Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng dự án Nhà ở công nhân được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 40 năm từ ngày 01/04/2022.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 06 tháng đến 40 năm.

**3.14 NỢ PHẢI TRẢ**

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**3.15 CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Chi phí phải trả của Tổng Công ty là các chi phí thực tế đã phát sinh trong năm báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong năm, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.16 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Dự phòng phải trả phát sinh được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ kế toán đó. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả ở năm lập báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ kế toán.

**3.18 VAY VÀ NỢ PHẢI TRẢ THUÊ TÀI CHÍNH.**

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

**3.19 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**3.20 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

*Vốn đầu tư của chủ sở hữu* được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

*Thặng dư vốn cổ phần* phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

*Cổ phiếu quỹ* là cổ phiếu do Tổng Công ty mua lại trước ngày hiệu lực của Luật chứng khoán 2019 (ngày 01 tháng 01 năm 2021) nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ mua sau ngày 01 tháng 01 năm 2021 sẽ được hủy bỏ và điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.20 VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

*Chênh lệch đánh giá lại tài sản* được phản ánh trong các trường hợp: khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản, khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối* phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty.

Tổng Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- *Quỹ đầu tư phát triển*: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tổng Công ty.
- *Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành*: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

**3.21 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Tổng Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

*Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.21 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP (TIẾP)**

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì Tổng Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì Tổng Công ty ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì Tổng Công ty ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

**3.22 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.23 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**3.24 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

*Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

*Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp*

Trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024, Tổng Công ty được áp dụng một mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

**3.25 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả Công ty mẹ, Công ty con và Công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.



**TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ  
THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP**

Số 02 Vũ Quang, phường Trần Phú,  
thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024  
đến ngày 30/06/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.25 THÔNG TIN BỘ PHẬN**

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Tổng Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng Báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tổng Công ty một cách toàn diện.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Tiền mặt	542.298.754	542.816.054
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.674.152.566	5.387.700.950
<b>Cộng</b>	<b>6.216.451.320</b>	<b>5.930.517.004</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)*

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**5.1 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	44.892.631.222	44.892.631.222	35.373.137.348	35.373.137.348
Cộng	<b>44.892.631.222</b>	<b>44.892.631.222</b>	<b>35.373.137.348</b>	<b>35.373.137.348</b>

Tại thời điểm 30/06/2024, khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh hưởng mức lãi suất từ 2,8% - 7,8%/năm.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

## 5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

## 5.2 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2024			01/01/2024		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>384.969.733.498</b>	<b>(132.544.213.339)</b>	<b>(*)</b>	<b>384.969.733.498</b>	<b>(137.065.594.575)</b>	<b>(*)</b>
- Công ty Cổ phần Thiên Ý 2	6.225.982.875	(4.771.671.877)	(*)	6.225.982.875	(5.077.898.620)	(*)
- Công ty Cổ phần Thương Mại Mitraco	5.840.000.000	(5.840.000.000)	(*)	5.840.000.000	(5.840.000.000)	(*)
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan	4.991.000.000	(4.991.000.000)	(*)	4.991.000.000	(4.991.000.000)	(*)
- Công ty Cổ phần Vận tải và Xây dựng	1.146.213.314	(1.146.213.314)	(*)	1.146.213.314	(1.146.213.314)	(*)
- Công ty TNHH MTV Việt Lào	70.083.136.270	-	(*)	70.083.136.270	-	(*)
- Công ty Cổ phần Gạch ngói Mitraco	12.000.000.000	(12.000.000.000)	(*)	12.000.000.000	(12.000.000.000)	(*)
- Công ty Cổ phần Chăn nuôi Mitraco (i)	24.443.065.844	-	55.200.000.000	24.443.065.844	(1.006.972.511)	22.561.000.000
- Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Thiên Lộc	18.191.000.000	(15.048.811.554)	(*)	18.191.000.000	(15.917.045.290)	(*)
- Công ty Cổ phần Phát triển Nông lâm Hà Tĩnh	36.473.596.050	(18.019.394.861)	(*)	36.473.596.050	(21.450.305.281)	(*)
- Công ty Cổ phần Cơ khí & Xây lắp Mitraco	2.872.500.000	(2.872.500.000)	(*)	2.872.500.000	(2.872.500.000)	(*)



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**5.2 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)**

	30/06/2024			01/01/2024		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư vào công ty con (tiếp)</b>						
- Công ty Cổ phần Vật liệu và Phụ gia Sắt	12.400.468.767	(12.400.468.767)	(*)	12.400.468.767	(12.400.468.767)	(*)
- Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Mitraco	18.012.198.922	(14.454.152.966)	(*)	18.012.198.922	(13.363.190.792)	(*)
- Công ty TNHH Giống và Vật tư Nông nghiệp Mitraco (i)	11.000.000.000	(11.000.000.000)	(*)	11.000.000.000	(11.000.000.000)	(*)
- Công ty TNHH Thực phẩm Chế biến Mitraco	30.000.000.000	(30.000.000.000)	(*)	30.000.000.000	(30.000.000.000)	(*)
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>8.214.281.603</b>	<b>(741.662.808)</b>	<b>(*)</b>	<b>8.214.281.603</b>	<b>(741.662.808)</b>	<b>(*)</b>
- Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Hà Tĩnh	8.214.281.603	(741.662.808)	(*)	8.214.281.603	(741.662.808)	(*)

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

## 5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

## 5.2 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)

	30/06/2024			01/01/2024		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào đơn vị khác	247.439.088.500	(2.658.954.288)	104.249.000.000	247.439.088.500	(2.416.404.406)	104.249.000.000
- Công ty Cổ phần Thủy điện Hương Sơn (i)	56.400.000.000	-	93.624.000.000	56.400.000.000	-	93.624.000.000
- Công ty Cổ phần Sắt Thạch Khê	179.659.088.500	(2.453.136.807)	(*)	179.659.088.500	(2.210.586.925)	(*)
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Phát Mitraco	1.080.000.000	-	(*)	1.080.000.000	-	(*)
- Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng (i)	9.000.000.000	-	10.625.000.000	9.000.000.000	-	10.625.000.000
- Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Lam Hồng	300.000.000	-	(*)	300.000.000	-	(*)
- Công ty Cổ phần Vinatex Hồng Lĩnh	1.000.000.000	(205.817.481)	(*)	1.000.000.000	(205.817.481)	(*)
<b>Cộng</b>	<b>640.623.103.601</b>	<b>(135.944.830.435)</b>		<b>640.623.103.601</b>	<b>(140.223.661.789)</b>	

(\*) Tại thời điểm 30/06/2024, Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính còn lại để Thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng bởi vì chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**5.2 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)**

(i) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Hương Sơn, Công ty Cổ phần Chăn nuôi Mitraco và Công ty Cổ phần Xăng dầu dầu khí Vũng Áng được xác định theo giá đóng cửa của 02 mã chứng khoán này trên sàn Upcom tại ngày 28/06/2024.

Thông tin chi tiết về các Công ty con của Tổng Công ty tại ngày 30/06/2024 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thiên Ý 2	Số 02, Vũ Quang, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh	75,00%	75,00%	Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng
Công ty Cổ phần Thương Mại Mitraco	Số 02, Vũ Quang, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh	73,00%	73,00%	Kinh doanh thương mại tổng hợp
Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan	Xã Phú Lộc, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh	50,95%	50,95%	Sản xuất kinh doanh quặng Mangan và chăn nuôi
Công ty Cổ phần Vận tải & Xây dựng	Thị trấn Thạch Hà, Huyện Thạch Hà, Tỉnh Hà Tĩnh	79,44%	79,44%	Kinh doanh vận tải và xây lắp
Công ty TNHH MTV Việt Lào	Huyện Xebangfay, Tỉnh Khammoun, Lào	100,00%	100,00%	Sản xuất kinh doanh các sản phẩm thạch cao
Công ty Cổ phần Gạch ngói Mitraco	Xã Kỳ Tiến, Huyện Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh	60,00%	60,00%	Sản xuất kinh doanh gạch ngói
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Mitraco	Xã Thạch Vĩnh, Huyện Thạch Hà, Tỉnh Hà Tĩnh	51,28%	51,28%	Sản xuất kinh doanh lợn giống, lợn siêu nạc
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Thiên Lộc	Xã Thiên Lộc, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh	60,64%	60,64%	Sản xuất kinh doanh thức ăn gia súc, gia cầm



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)***(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)***5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)****5.2 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)**

Thông tin chi tiết về các Công ty con của Tổng Công ty tại ngày 30/06/2024 như sau (tiếp)

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Phát triển Nông lâm Hà Tĩnh	Xóm 10 Thị trấn Đức Thọ, Huyện Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh.	58,70%	58,70%	Sản xuất kinh doanh lợn giống, lợn siêu nạc
Công ty Cổ phần Cơ khí & Xây lắp Mitraco	Thị trấn Cẩm Xuyên, Huyện Cẩm Xuyên, Tỉnh Hà Tĩnh	63,83%	63,83%	Xây lắp và thi công cơ khí
Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Lào - Việt	Xã Kỳ Lợi, Huyện Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh	53,00%	53,00%	Dịch vụ cảng biển
Công ty Cổ phần Vật liệu và Phụ gia Sắt Thạch Khê	Xã Xuân Lĩnh, Huyện Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh	91,85%	91,85%	Sản xuất kinh doanh đá xây dựng
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Mitraco	Số 02, Vũ Quang, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh	100,00%	100,00%	Xây lắp công trình
Công ty TNHH Giống và Vật tư Nông nghiệp Mitraco	Xã Thiên Lộc, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh	100,00%	100,00%	Sản xuất kinh doanh giống và vật tư nông nghiệp
Công ty TNHH Thực phẩm Chế biến Mitraco	Phường Kỳ Trinh, Thị xã Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh	100,00%	100,00%	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)*

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**5.2 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP)**

Thông tin chi tiết về các Công ty nhận đầu tư khác của Tổng Công ty tại ngày 30/06/2024 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thủy điện Hương Sơn	Xã Sơn Kim 1, Huyện Hương Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh	19,75%	19,75%	Sản xuất kinh doanh điện
Công ty Cổ phần Sắt Thạch Khê	Đường Phan Đình Phùng, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh	9,93%	9,93%	Sản xuất kinh doanh quặng sắt
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Phát Mitraco	Đường Vũ Quang, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh	1,08%	1,08%	Sản xuất kinh doanh các loại khoáng sản
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	Xã Kỳ Lợi, Huyện Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh	10,00%	10,00%	Kinh doanh các sản phẩm dầu khí
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Lam Hồng	Đường Trần Phú, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh	10,00%	10,00%	Kinh doanh thiết bị công nghệ thông tin
Công ty Cổ phần Vinatex Hồng Lĩnh	KCN Nam Hồng, Thị xã Hồng Lĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh	1,25%	1,25%	Sản xuất kinh doanh sản phẩm sợi

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)*

## 6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>134.778.507.332</b>	<b>(16.122.016.750)</b>	<b>132.299.479.865</b>	<b>(15.455.575.530)</b>
- Công ty TNHH Thương mại Vận tải Bình Nguyên	18.331.574.700	-	12.294.920.200	-
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ vận tải Việt Hải	11.767.545.076	-	16.423.387.226	-
- Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Nam Phương	10.837.575.600	-	11.679.170.700	-
- Công ty TNHH Thực phẩm chế biến Mitraco	16.356.702.698	-	16.273.961.547	-
- Công ty TNHH MTV Việt Lào	30.095.538.693	-	22.579.538.693	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	47.389.570.565	(16.122.016.750)	53.048.501.499	(15.455.575.530)
<b>Cộng</b>	<b>134.778.507.332</b>	<b>(16.122.016.750)</b>	<b>132.299.479.865</b>	<b>(15.455.575.530)</b>
<b>b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>59.028.428.537</b>	<b>(3.513.491.201)</b>	<b>49.904.097.080</b>	<b>(3.513.491.201)</b>

*(Chi tiết tại Thuyết minh số 35)*



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)***(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)***7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>10.181.791.309</b>	<b>(7.391.909.856)</b>	<b>10.327.087.880</b>	<b>(7.391.514.552)</b>
- Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Mitraco	311.163.363	-	311.163.363	-
- Doanh nghiệp tư nhân Thanh Tâm	2.482.983.095	(2.482.983.095)	2.482.983.095	(2.482.983.095)
- Xí nghiệp Thạch Đình	1.095.272.051	(1.095.272.051)	1.095.272.051	(1.095.272.051)
- Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và Phát triển hạ tầng Mitraco	1.651.371.743	-	1.651.371.743	-
- Các khoản trả trước cho người bán khác	4.641.001.057	(3.813.654.710)	4.786.297.628	(3.813.259.406)
<b>Cộng</b>	<b>10.181.791.309</b>	<b>(7.391.909.856)</b>	<b>10.327.087.880</b>	<b>(7.391.514.552)</b>
<b>b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b>	<b>3.324.122.205</b>	<b>(493.617.405)</b>	<b>2.930.162.624</b>	<b>(493.617.405)</b>

*(Chi tiết tại Thuyết minh số 35)*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)*

**8. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>22.893.705.392</b>	<b>(10.716.044.703)</b>	<b>26.403.804.392</b>	<b>(10.716.044.703)</b>
- Công ty Cổ phần Vận tải và Xây dựng	3.394.696.811	(3.394.696.811)	3.394.696.811	(3.394.696.811)
- Công ty Cổ phần Thiên Ý 2	2.108.744.298	-	2.108.744.298	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Mitraco	4.168.034.789	-	4.168.034.789	-
- Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Mitraco	2.900.881.602	-	2.410.980.602	-
- Công ty Cổ phần Gạch ngói Mitraco	5.182.631.428	(5.182.631.428)	5.182.631.428	(5.182.631.428)
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan	2.138.716.464	(2.138.716.464)	2.138.716.464	(2.138.716.464)
- Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và Phát triển hạ tầng Mitraco	1.000.000.000	-	2.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Chăn nuôi Mitraco	2.000.000.000	-	5.000.000.000	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>365.767.343.824</b>	-	<b>365.767.343.824</b>	-
- Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Lào - Việt	303.192.116.984	-	303.192.116.984	-
- Công ty Cổ phần Phát triển nông lâm Hà Tĩnh	1.618.839.954	-	1.618.839.954	-
- Công ty TNHH Thực phẩm và Chế biến Mitraco	60.956.386.886	-	60.956.386.886	-
<b>Cộng</b>	<b>388.661.049.216</b>	<b>(10.716.044.703)</b>	<b>392.171.148.216</b>	<b>(10.716.044.703)</b>
<b>c) Phải thu về cho vay là các bên liên quan</b>	<b>388.661.049.216</b>	<b>(10.716.044.703)</b>	<b>392.171.148.216</b>	<b>(10.716.044.703)</b>

*(Chi tiết tại Thuyết minh số 35)*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)***(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)***8. PHẢI THU VỀ CHO VAY (TIẾP)**

Thông tin chi tiết về các khoản cho vay bằng Việt Nam đồng như sau:

Tên Công ty	Mục đích vay	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Hình thức đảm bảo	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>a) Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>					<b>22.893.705.392</b>	<b>26.403.804.392</b>
- Công ty Cổ phần Vận tải và Xây dựng	Bổ sung vốn lưu động	8,00%	06 tháng	Tín chấp	3.394.696.811	3.394.696.811
- Công ty Cổ phần Thiên Ý 2	Đầu tư tài sản tại Công ty Cổ phần Thiên Ý để phục vụ sản xuất kinh doanh của bên Vay	7,50%	04 năm	Tài sản của Công ty Cổ phần Thiên Ý thuộc quyền sở hữu của Bên vay	2.108.744.298	2.108.744.298
- Công ty Cổ phần Thương mại Mitraco	Đầu tư vào tài sản của Công ty Cổ phần Thương mại Mitraco để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	7,50%	04 năm	Tài sản của Công ty Cổ phần Thương mại Mitraco thuộc quyền sở hữu của Bên vay	4.168.034.789	4.168.034.789
- Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Mitraco	Đầu tư tài sản tại Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Mitraco để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Bên vay và bổ sung vốn lưu động	7,5% đến 8,9%	06 tháng đến 04 năm	Tài sản của Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Mitraco thuộc quyền sở hữu của Bên vay	2.900.881.602	2.410.980.602
- Công ty Cổ phần Gạch ngói Mitraco	Đầu tư tài sản phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	7,50%	04 năm	Tài sản của Công ty Cổ phần Gạch ngói Mitraco	5.182.631.428	5.182.631.428
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan	Bổ sung vốn lưu động	8,00%	06 tháng	Tín chấp	2.138.716.464	2.138.716.464



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

## 8. PHẢI THU VỀ CHO VAY (TIẾP)

Thông tin chi tiết về các khoản cho vay bằng Việt Nam đồng như sau:

Tên Công ty	Mục đích vay	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Hình thức đảm bảo	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
- Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Phát triển hạ tầng Mitraco	Bổ sung vốn lưu động	6,00%	06 tháng	Tín chấp	1.000.000.000	2.000.000.000
- Công ty Cổ phần Chăn nuôi Mitraco	Bổ sung vốn lưu động	7,90%	06 tháng	Tín chấp	2.000.000.000	5.000.000.000
<b>b) Phải thu về cho vay dài hạn</b>					<b>365.767.343.824</b>	<b>365.767.343.824</b>
- Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Lào - Việt	Bổ sung vốn lưu động	7,00%	Dài hạn	Cầu cảng số 01, số 02 của Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Lào Việt thuộc quyền sở hữu của Bên vay	303.192.116.984	303.192.116.984
- Công ty Cổ phần Phát triển nông lâm Hà Tĩnh	Bổ sung vốn lưu động	0,00%	Dài hạn	Tín chấp	1.618.839.954	1.618.839.954
- Công ty TNHH Thực phẩm và Chế biến Mitraco	Bổ sung vốn lưu động	0,00%	Dài hạn	Tín chấp	60.956.386.886	60.956.386.886
<b>Cộng</b>					<b>388.661.049.216</b>	<b>392.171.148.216</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)***(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)***9. PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>7.347.371.852</b>	<b>(3.678.037.130)</b>	<b>11.698.697.418</b>	<b>(3.678.037.130)</b>
- Tạm ứng	3.491.371.838	(2.846.625.276)	3.423.598.155	(2.846.625.276)
- Ký cược, ký quỹ	1.560.625.000	-	2.180.343.000	-
- Phải thu khác	2.295.375.014	(831.411.854)	6.094.756.263	(831.411.854)
<b>Cộng</b>	<b>7.347.371.852</b>	<b>(3.678.037.130)</b>	<b>11.698.697.418</b>	<b>(3.678.037.130)</b>
<b>b) Phải thu khác là các bên liên quan</b> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 35)</i>	<b>2.325.228.018</b>	<b>1.089.042.000</b>	<b>5.131.392.018</b>	<b>5.131.392.018</b>

**10. HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu	12.432.572.159	-	11.361.350.740	-
- Công cụ, dụng cụ	1.443.522.149	-	1.505.385.093	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh	1.559.227.600	-	3.302.062.702	-
- Thành phẩm	12.974.093.206	-	13.791.732.796	-
- Hàng hóa	1.249.172.728	-	1.333.718.182	-
<b>Cộng</b>	<b>29.658.587.842</b>	<b>-</b>	<b>31.294.249.513</b>	<b>-</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

## 11. NỢ XẤU

Các khoản phải thu quá hạn thanh toán	01/01/2024				30/06/2024			
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị	
	VND	VND	có thể thu hồi VND	VND	VND	VND	có thể thu hồi VND	
- Ban Quản lý Mỏ sắt Thạch Khê	602.329.000	602.329.000	-	602.329.000	602.329.000	602.329.000	-	
- BUCKABOO, LLC	1.068.720.000	1.068.720.000	-	1.068.720.000	1.068.720.000	1.068.720.000	-	
- Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh Xuất nhập khẩu nông sản FAM Hà Tĩnh	1.000.000.000	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-	-	-	
- Công ty Cổ phần Gạch ngói Mitraco	2.087.037.296	2.087.037.296	-	2.087.037.296	2.087.037.296	2.087.037.296	-	
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Thương mại Sơn Hải	4.413.480.100	242.444.640	4.171.035.460	242.444.640	3.923.576.900	1.085.673.790	2.837.903.110	
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ tổng hợp Đại Nghĩa	3.670.254.800	2.090.669.840	1.579.584.960	2.090.669.840	3.070.254.800	1.979.397.480	1.090.857.320	
- Doanh nghiệp Tư nhân Thanh Tâm	2.482.983.095	2.482.983.095	-	2.482.983.095	2.482.983.095	2.482.983.095	-	
- Xí nghiệp Thạch Đỉnh	1.095.272.051	1.095.272.051	-	1.095.272.051	1.095.272.051	1.095.272.051	-	
- Cửa hàng thực phẩm Mitraco Food	1.236.186.018	1.236.186.018	-	1.236.186.018	1.236.186.018	1.236.186.018	-	
- Cho vay: Công ty Cổ phần Gạch ngói Mitraco	5.182.631.428	5.182.631.428	-	5.182.631.428	5.182.631.428	5.182.631.428	-	



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**11. NỢ XẤU (TIẾP)**

Các khoản phải thu quá hạn thanh toán	01/01/2024				30/06/2024		
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị
	VND	VND	có thể thu hồi VND	VND	VND	VND	có thể thu hồi VND
- Cho vay: Công ty Cổ phần Gạch ngói Mitraco	5.182.631.428	5.182.631.428	-	5.182.631.428	5.182.631.428	5.182.631.428	-
- Cho vay: Công ty Cổ phần Vận tải và Xây dựng	3.394.696.811	3.394.696.811	-	3.394.696.811	3.394.696.811	3.394.696.811	-
- Cho vay: Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan	2.138.716.464	2.138.716.464	-	-	2.138.716.464	2.138.716.464	-
- Các đối tượng khác	17.554.994.396	14.619.485.272	2.935.509.124	-	16.602.684.142	15.554.365.006	1.048.319.136
<b>Cộng</b>	<b>45.927.301.459</b>	<b>37.241.171.915</b>	<b>8.686.129.544</b>	<b>20.482.970.179</b>	<b>42.885.088.005</b>	<b>37.908.008.439</b>	<b>4.977.079.566</b>

**TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ  
THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP**

Số 02 Vũ Quang, phường Trần Phú,  
thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024  
đến ngày 30/06/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.060.936.192</b>	<b>598.783.187</b>
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	98.268.452	119.693.194
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	962.667.740	479.089.993
<b>b) Dài hạn</b>	<b>31.902.260.562</b>	<b>33.126.732.516</b>
- Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng dự án nhà ở công nhân (*)	29.165.452.945	29.551.750.335
- Chi phí đầu tư dự án nhà ở công nhân	1.849.432.211	2.096.023.173
- Chi phí sửa chữa văn phòng	887.375.406	1.478.959.008
<b>Cộng</b>	<b>32.963.196.754</b>	<b>33.725.515.703</b>

(\*) Chi phí giải phóng mặt bằng phục vụ cho dự án Khu nhà ở thí điểm cho công nhân và người lao động thuê tại Khu kinh tế Vũng Áng:

- Giá trị ban đầu: 30.324.345.115 VND;
- Thời gian phân bổ trong: 480 tháng;
- Chủ đầu tư: Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP;
- Mục đích đầu tư: Kinh doanh cho thuê;
- Địa điểm: Lô đất TT4B, DT3 thuộc Khu kinh tế Vũng Áng, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh;
- Diện tích sử dụng đất: 16 ha;
- Tổng mức đầu tư: 1.182.356.303.000 VND;
- Thời gian bắt đầu thực hiện triển khai dự án: 2013.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
01/01/2024	189.671.104.978	80.806.260.537	25.420.761.782	778.554.545	296.676.681.842
- Mua trong kỳ	36.996.759	-	-	-	36.996.759
30/06/2024	<u>189.708.101.737</u>	<u>80.806.260.537</u>	<u>25.420.761.782</u>	<u>778.554.545</u>	<u>296.713.678.601</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
01/01/2024	(67.709.333.191)	(78.930.366.673)	(12.338.072.626)	(802.910.741)	(159.780.683.231)
- Khấu hao trong kỳ	(4.215.629.376)	(194.849.628)	(887.872.410)	(11.837.124)	(5.310.188.538)
30/06/2024	<u>(71.924.962.567)</u>	<u>(79.125.216.301)</u>	<u>(13.225.945.036)</u>	<u>(814.747.865)</u>	<u>(165.090.871.769)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
01/01/2024	<u>121.961.771.787</u>	<u>1.875.893.864</u>	<u>13.082.689.156</u>	<u>(24.356.196)</u>	<u>136.895.998.611</u>
30/06/2024	<u>117.783.139.170</u>	<u>1.681.044.236</u>	<u>12.194.816.746</u>	<u>(36.193.320)</u>	<u>131.622.806.832</u>

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2024 là 135.950.023.448 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 141.846.653.885 đồng).
- Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm khoản vay tại ngày 30/06/2024 là 0 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 0 đồng).



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

## 14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
01/01/2024	16.283.520.000	1.849.908.290	2.014.386.600	20.147.814.890
30/06/2024	16.283.520.000	1.849.908.290	2.014.386.600	20.147.814.890
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
01/01/2024	(9.566.568.000)	(1.849.908.290)	(2.014.386.600)	(13.430.862.890)
- Khấu hao trong kỳ	(407.088.000)	-	-	(407.088.000)
30/06/2024	(9.973.656.000)	(1.849.908.290)	(2.014.386.600)	(13.837.950.890)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
01/01/2024	6.716.952.000	-	-	6.716.952.000
30/06/2024	6.309.864.000	-	-	6.309.864.000

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2024 là 3.864.294.890 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 3.864.294.890 đồng).
- Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm khoản vay tại ngày 30/06/2024 là 6.309.864.000 đồng (tại ngày 01/01/2024 là 7.124.040.000 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Nhà cửa vật kiến trúc <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
01/01/2024	85.494.254.799	85.494.254.799
30/06/2024	<u>85.494.254.799</u>	<u>85.494.254.799</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
01/01/2024	(13.883.788.818)	(13.883.788.818)
- Khấu hao trong kỳ	(1.068.678.186)	(1.068.678.186)
30/06/2024	<u>(14.952.467.004)</u>	<u>(14.952.467.004)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
01/01/2024	<u>71.610.465.981</u>	<u>71.610.465.981</u>
30/06/2024	<u>70.541.787.795</u>	<u>70.541.787.795</u>

Bất động sản đầu tư là 04 khối nhà 05 tầng cho thuê thuộc Dự án Khu nhà ở thí điểm cho công nhân và người lao động thuê tại Khu kinh tế Vũng Áng.

**16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	30/06/2024 <u>VND</u>	01/01/2024 <u>VND</u>
<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn</b>	<u>2.152.268.180</u>	<u>2.152.268.180</u>
- Lợn giống Mitraco (1)	65.813.636	65.813.636
- Dự án Logistics (1)	345.454.544	345.454.544
- Dự án bò thịt chất lượng cao (2)	1.741.000.000	1.741.000.000
<b>Cộng</b>	<u>2.152.268.180</u>	<u>2.152.268.180</u>

(1) Dự án Lợn giống Mitraco và Dự án Logistic đang chờ phê duyệt chủ trương đầu tư.

(2) Chi phí giải phóng mặt bằng khu vực Kỳ Lâm một trong các chi phí giải phóng mặt bằng phục vụ Dự án đầu tư phát triển chăn nuôi bò thịt chất lượng cao, chi tiết dự án như sau:

- Chủ đầu tư: Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP.
- Mục đích đầu tư: Sản xuất, kinh doanh bò thịt chất lượng cao.
- Địa điểm: trại bò tại huyện Cẩm Xuyên và huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.
- Quy mô:
  - + Tại Tổng Công ty: 1.500 con bò nái sinh sản, nuôi vỗ béo thường xuyên 2.000 con bò thịt.
  - + Nuôi vệ tinh: 5.000 hộ ký hợp đồng sinh sản và 400 mô hình nuôi bò thịt.
- Sản phẩm: bò giống cái, bò thịt và bò thanh lý (10% tổng đàn).
- Tổng mức đầu tư: 230.430.909.000 VND.

Đến thời điểm 30/06/2024: Dự án đã hoàn thành và đưa vào thực hiện một phần, còn khu vực Kỳ Lâm đang tiếp tục triển khai.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>106.718.971.246</b>	<b>106.718.971.246</b>	<b>107.017.004.991</b>	<b>107.017.004.991</b>
- Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Lào Việt	2.869.043.111	2.869.043.111	2.869.043.111	2.869.043.111
- Công ty TNHH MTV Việt Lào	96.425.937.684	96.425.937.684	97.279.251.079	97.279.251.079
- Công ty Cổ phần Đầu tư - Sản xuất - Thương mại dịch vụ Kết Phát Thịnh	2.155.910.000	2.155.910.000	2.155.910.000	2.155.910.000
- JIANGSU ZHENGCHANG CEREAL OIL AND FEED MACHINERY	1.183.967.660	1.183.967.660	1.183.967.660	1.183.967.660
- Công ty Cổ phần Thức ăn chăn nuôi Thiên Lộc	305.460.000	305.460.000	611.833.500	611.833.500
- Phải trả các đối tượng khác	3.778.652.791	3.778.652.791	2.916.999.641	2.916.999.641
<b>Cộng</b>	<b>106.718.971.246</b>	<b>106.718.971.246</b>	<b>107.017.004.991</b>	<b>107.017.004.991</b>
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>99.600.440.795</b>	<b>99.294.980.795</b>	<b>100.148.294.190</b>	<b>100.148.294.190</b>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 35)</i>				



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

## 18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>2.562.804.137</b>	<b>2.562.804.137</b>	<b>3.033.604.137</b>	<b>3.033.604.137</b>
- Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Lào - Việt	1.497.145.945	1.497.145.945	2.011.945.945	2.011.945.945
- DENG SHI KANG	199.156.060	199.156.060	199.156.060	199.156.060
- QINZHOU QINNAN CHUANGDA TRADE	368.449.541	368.449.541	368.449.541	368.449.541
- Các đối tượng khác	498.052.591	498.052.591	454.052.591	454.052.591
<b>Cộng</b>	<b>2.562.804.137</b>	<b>2.562.804.137</b>	<b>3.033.604.137</b>	<b>3.033.604.137</b>
<b>b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</b> (Chi tiết tại Thuyết minh số 35)	<b>1.497.145.945</b>	<b>1.497.145.945</b>	<b>2.011.945.945</b>	<b>2.011.945.945</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)***(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)***19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	01/01/2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp, khấu trừ trong kỳ	30/06/2024
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	-	3.209.840.534	3.209.840.534	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	80.037.868	133.932.662	189.113.256	24.857.274
- Thuế thu nhập cá nhân	9.142.000	211.342.000	207.444.000	13.040.000
- Thuế tài nguyên	109.055.922	1.096.371.000	1.018.073.430	187.353.492
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	519.099.247	352.711.513	166.387.734
- Thuế bảo vệ môi trường	51.958.056	346.867.682	334.488.084	64.337.654
- Các loại thuế khác	6.312.000	234.267.148	132.272.648	108.306.500
<b>Cộng</b>	<b>256.505.846</b>	<b>5.751.720.273</b>	<b>5.443.943.465</b>	<b>564.282.654</b>

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan Thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của Cơ quan Thuế.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

## 20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	30/06/2024		Trong kỳ		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>41.210.000.000</b>	<b>41.210.000.000</b>	<b>3.004.216.000</b>	<b>10.274.216.000</b>	<b>48.480.000.000</b>	<b>48.480.000.000</b>
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>37.200.000.000</i>	<i>37.200.000.000</i>	<i>3.004.216.000</i>	<i>6.004.216.000</i>	<i>40.200.000.000</i>	<i>40.200.000.000</i>
- Quỹ Đầu tư phát triển Hà Tĩnh (1)	7.200.000.000	7.200.000.000	-	3.000.000.000	10.200.000.000	10.200.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển	-	-	3.004.216.000	3.004.216.000	-	-
- Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Lào - Việt	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-	30.000.000.000	30.000.000.000
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>4.010.000.000</i>	<i>4.010.000.000</i>	<i>-</i>	<i>4.270.000.000</i>	<i>8.280.000.000</i>	<i>8.280.000.000</i>
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh (2)	1.700.000.000	1.700.000.000	-	1.960.000.000	3.660.000.000	3.660.000.000
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam Chi nhánh Hà Tĩnh (3)	2.310.000.000	2.310.000.000	-	2.310.000.000	4.620.000.000	4.620.000.000
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>15.020.000.000</b>	<b>15.020.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>15.020.000.000</b>	<b>15.020.000.000</b>
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam Chi nhánh Hà Tĩnh (4)	15.020.000.000	15.020.000.000	-	-	15.020.000.000	15.020.000.000
<b>Cộng</b>	<b>56.230.000.000</b>	<b>56.230.000.000</b>	<b>3.004.216.000</b>	<b>10.274.216.000</b>	<b>63.500.000.000</b>	<b>63.500.000.000</b>
<b>c) Vay và nợ với bên liên quan</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>30.000.000.000</b>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 35)</i>						



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)*

**20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Chi tiết các khoản vay như sau:*

**(1) Khoản vay ngắn hạn Quỹ Đầu tư và Phát triển Hà Tĩnh theo Hợp đồng sau:**

Hợp đồng tín dụng vay vốn số 01/2011/HĐTD-ĐP ngày 13/09/2011 giữa Quỹ Đầu tư Phát triển Hà Tĩnh và Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP

- Số tiền vay: 25.000.000.000 đồng;
- Lãi suất: 0%;
- Thời hạn vay: 36 tháng;
- Mục đích vay: Góp vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Sắt Thạch Khê theo Công văn số 2874/QĐ-UBND ngày 31/08/2011 của UBND tỉnh Hà Tĩnh;
- Hình thức bảo đảm: Tín chấp;
- Số dư tại ngày 30/06/2024 là: 7.200.000.000 đồng.

**(2) Khoản vay Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Lào – Việt theo Hợp đồng sau:**

Hợp đồng vay vốn ngắn hạn 03/2016/HĐVV ngày 03/08/2016 giữa Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Lào – Việt và Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh

- Số tiền vay: 30.000.000.000 đồng;
- Lãi suất: 5,5%;
- Thời hạn vay: 9 tháng;
- Mục đích vay: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Hình thức bảo đảm: Tín chấp;
- Số dư tại ngày 30/06/2024: 30.000.000.000 đồng.

**(3) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh theo các Hợp đồng sau:**

1.1. Hợp đồng tín dụng số 14/2650/VCB.Hti ngày 11/12/2014 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh và Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP

- Hạn mức vay: 48.840.000.000 đồng;
- Lãi suất: Theo thông báo của Ngân hàng cho từng thời kỳ;
- Thời hạn vay: 120 tháng;
- Mục đích vay: Vay đầu tư Dự án Nhà máy Chế biến súc sản Mitraco;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)*

**20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**(3) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh theo các Hợp đồng sau (tiếp):**

- Hình thức bảo đảm: Tài sản gắn liền với đất hình thành của Dự án Đầu tư Xây dựng Nhà máy chế biến sắn Mitraco tại khu kinh tế Vũng Áng, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 14/2699TC/VCBHTi ngày 28/11/2014;
- Số dư tại ngày 30/06/2024: 1.700.000.000 đồng.

**(4) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh theo các Hợp đồng sau:**

Hợp đồng tín dụng đầu tư của Nhà nước số 03/2015/HĐTĐĐT-NHPT ngày 16/12/2015 giữa Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh và Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01/2020/HĐTĐĐT-NHPT và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01/2021/HĐTĐĐT-NHPT

- Số tiền vay: 41.600.000.000 đồng;
- Lãi suất: 8,55%;
- Thời hạn vay: 96 tháng;
- Mục đích vay: Đầu tư các hạng mục xây dựng, thiết bị của dự án Khu nhà ở thí điểm cho công nhân và người lao động thuê tại Khu kinh tế Vũng Áng theo đúng dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- Hình thức bảo đảm: Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai của Dự án Khu nhà ở thí điểm cho nhân công và người lao động thuê tại khu kinh tế Vũng Áng theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2015/HĐTCTS-NHPT ngày 16/12/2015;
- Số dư tại ngày 30/06/2024 là: 2.310.000.000 đồng.

**(5) Khoản vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh theo các Hợp đồng sau:**

Hợp đồng tín dụng đầu tư của Nhà nước số 03/2015/HĐTĐĐT-NHPT ngày 16/12/2015 giữa Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh và Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01/2020/HĐTĐĐT-NHPT và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01/2021/HĐTĐĐT-NHPT

- Số tiền vay: 41.600.000.000 đồng;
- Lãi suất: 8,55%;
- Thời hạn vay: 96 tháng;
- Mục đích vay: Đầu tư các hạng mục xây dựng, thiết bị của dự án Khu nhà ở thí điểm cho công nhân và người lao động thuê tại Khu kinh tế Vũng Áng theo đúng dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- Hình thức bảo đảm: Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai của Dự án Khu nhà ở thí điểm cho nhân công và người lao động thuê tại khu kinh tế Vũng Áng theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2015/HĐTCTS-NHPT ngày 16/12/2015.
- Số dư tại ngày 30/06/2024 là: 15.020.000.000 đồng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Chi phí trích trước đóng cửa mỏ Cẩm Hoà	820.808.000	-
- Chi phí trích trước sửa chữa nâng cấp đường nội mỏ	17.547.230	17.547.230
<b>Cộng</b>	<b>838.355.230</b>	<b>17.547.230</b>

**22. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	60.900.716	64.317.716
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Hoá cốc Hà Tĩnh	6.800.000.000	6.800.000.000
- Công ty Cổ phần Gang thép Hà Tĩnh	3.000.000.000	3.000.000.000
- Công ty TNHH Vạn Lợi	6.000.000.000	6.000.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.127.127.793	3.146.402.400
<b>Cộng</b>	<b>18.988.028.509</b>	<b>19.010.720.116</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)*

**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**23.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>01/01/2023</b>	<b>1.101.135.914.618</b>	<b>13.851.823.000</b>	<b>26.098.785.575</b>	<b>1.141.086.523.193</b>
- Lãi trong năm trước	-	-	1.266.112.208	1.266.112.208
- Phân phối lợi nhuận (*)	-	2.700.000.000	(26.098.785.575)	(23.398.785.575)
<b>31/12/2023</b>	<b>1.101.135.914.618</b>	<b>16.551.823.000</b>	<b>1.266.112.208</b>	<b>1.118.953.849.826</b>
<b>01/01/2024</b>	<b>1.101.135.914.618</b>	<b>16.551.823.000</b>	<b>1.266.112.208</b>	<b>1.118.953.849.826</b>
- Lãi trong kỳ này	-	-	3.793.819.575	3.793.819.575
<b>30/06/2024</b>	<b>1.101.135.914.618</b>	<b>16.551.823.000</b>	<b>5.059.931.783</b>	<b>1.122.747.669.401</b>

(\*) Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 của đại Hội đồng Cổ đông số 71/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2023, Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - CTCP công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2022.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**23.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	30/06/2024	Tỷ lệ	01/01/2024	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Tĩnh	1.072.153.914.618	97,37%	1.072.153.914.618	97,37%
- Các cổ đông khác	28.982.000.000	2,63%	28.982.000.000	2,63%
<b>Cộng</b>	<b>1.101.135.914.618</b>	<b>100%</b>	<b>1.101.135.914.618</b>	<b>100%</b>

**23.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	1.101.135.914.618	1.101.135.914.618
+ Vốn góp cuối năm	1.101.135.914.618	1.101.135.914.618
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**23.4 CỔ PHIẾU**

	30/06/2024	01/01/2024
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	110.113.591	110.113.591
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	110.113.591	110.113.591
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>110.113.591</i>	<i>110.113.591</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	110.113.591	110.113.591
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>110.113.591</i>	<i>110.113.591</i>
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

**23.5 CÁC QUỸ**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	16.551.823.000	16.551.823.000
<b>Cộng</b>	<b>16.551.823.000</b>	<b>16.551.823.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**24. NGUỒN KINH PHÍ**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Nguồn kinh phí còn lại đầu năm	13.366.780.204	13.659.562.904
<b>Nguồn kinh phí còn lại cuối năm</b>	<b>13.366.780.204</b>	<b>13.659.562.904</b>

Dự án nhà ở cho công nhân thuê Khu kinh tế Vũng Áng (Dự án nhà ở thu nhập thấp), nguồn kinh phí được Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Tĩnh hỗ trợ là 195.217.814.700 VND, số dư còn lại tại thời điểm 30/06/2024 là 13.659.562.904 VND.

**25. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	30/06/2024	01/01/2024
<b>Ngoại tệ các loại:</b>		
Dollar Mỹ (USD)	433,88	433,88

**26. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
<b>a) Doanh thu</b>	<b>174.244.361.485</b>	<b>147.643.117.198</b>
- Doanh thu bán hàng hóa	145.955.949.653	139.541.857.409
- Doanh thu bán thành phẩm	26.517.951.881	6.790.438.880
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.770.459.951	1.310.820.909
<b>Cộng</b>	<b>174.244.361.485</b>	<b>147.643.117.198</b>
<b>b) Doanh thu với các bên liên quan</b>	<b>10.409.045.090</b>	<b>2.010.933.089</b>

(Chi tiết tại Thuyết minh số 35)

**27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
- Giá vốn hàng hóa đã bán	142.107.158.637	136.103.284.656
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	29.284.423.857	7.163.533.285
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	7.397.828.164	7.372.876.522
<b>Cộng</b>	<b>178.789.410.658</b>	<b>150.639.694.463</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	11.629.892.340	13.047.063.564
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	11.189.673.360	10.624.230.000
<b>Cộng</b>	<b>22.819.565.700</b>	<b>23.671.293.564</b>

**29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Chi phí lãi vay	1.634.304.369	1.750.333.053
- Dự phòng/ (Hoàn nhập) tổn thất đầu tư	(4.278.831.354)	8.093.718.089
<b>Cộng</b>	<b>(2.644.526.985)</b>	<b>9.844.051.142</b>

**30. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>a) Các khoản chi phí bán hàng</b>	<b>241.918.700</b>	<b>197.387.925</b>
- Chi phí nhân viên	196.123.000	125.597.000
- Chi phí vật liệu, bao bì	27.295.700	39.859.560
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.500.000	-
- Chi phí bằng tiền khác	-	31.931.365
<b>b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>16.185.880.351</b>	<b>8.357.762.372</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	4.513.760.000	4.875.572.705
- Chi phí vật liệu quản lý	-	285.177.049
- Chi phí đồ dùng văn phòng	61.542.089	-
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.249.758.564	721.257.522
- Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	195.197.627
- Chi phí dự phòng/(hoàn nhập) khoản phải thu khó đòi	666.836.524	(3.091.882.376)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	484.520.298	1.034.716.407
- Chi phí bằng tiền khác	9.206.462.876	4.337.723.438
<b>Cộng</b>	<b>16.427.799.051</b>	<b>8.555.150.297</b>

**TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ  
THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP**

Số 02 Vũ Quang, phường Trần Phú,  
thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024  
đến ngày 30/06/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**31. THU NHẬP KHÁC**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	386.672.729
- Được thưởng, được bồi thường	193.660.488	-
<b>Cộng</b>	<b>193.660.488</b>	<b>386.672.729</b>

**32. CHI PHÍ KHÁC**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Chi phí đóng cửa mỏ Cẩm Hoà	820.808.000	-
- Chi phí khấu hao dự án ngừng hoạt động	70.277.374	46.383.765
<b>Cộng</b>	<b>891.085.374</b>	<b>46.383.765</b>

**33. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Chi phí nguyên vật liệu	27.236.511.171	2.237.399.075
- Chi phí nhân công	13.938.213.000	9.126.460.705
- Khấu hao tài sản cố định	1.785.504.714	7.045.218.027
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.883.091.235	4.514.829.422
- Chi phí bằng tiền khác	7.673.031.902	6.347.810.195
<b>Cộng</b>	<b>57.516.352.022</b>	<b>29.271.717.424</b>

**34. LÃI CƠ BẢN, LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

Tổng Công ty không tính chi tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 30 - Lợi cơ bản trên cổ phiếu yêu cầu trường hợp Tổng Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về lợi cơ bản trên cổ phiếu theo quy định của Chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu pha loãng giá trị cổ phiếu do đó lợi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lợi cơ bản trên cổ phiếu.





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**35. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**35.1 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

*Giao dịch với các bên liên quan: (tiếp)*

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Lãi cho vay</b>	<b>11.083.154.975</b>	<b>11.267.777.149</b>
- Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Lào - Việt	10.553.736.531	10.524.504.445
- Công ty Cổ phần Chăn nuôi Mitraco	197.719.444	129.033.334
- Công ty Cổ phần Thương mại Mitraco	156.300.000	156.300.000
- Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Mitraco	96.321.000	64.160.000
- Công ty Cổ phần Thiên Ý 2	79.078.000	79.078.000
- Công ty Cổ phần Phát triển nông lâm Hà Tĩnh	-	172.701.370
- Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Phát triển hạ tầng Mitraco	-	142.000.000
<b>Lãi đi vay</b>	<b>820.491.803</b>	<b>818.219.178</b>
- Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Lào - Việt	820.491.803	818.219.178

**TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ  
THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP**

Số 02 Vũ Quang, phường Trần Phú,  
thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024  
đến ngày 30/06/2024

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

**35. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**35.1 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

*Số dư với các bên liên quan:*

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>59.028.428.537</b>	<b>49.904.097.080</b>
- Công ty TNHH MTV Việt Lào	30.095.538.693	22.579.538.693
- Công ty TNHH Thực phẩm Chế biến Mitraco	16.356.702.698	16.273.961.547
- Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Mitraco	2.557.957.387	2.251.537.387
- Công ty Cổ phần Thiên Ý 2	2.222.357.882	2.193.279.882
- Công ty Cổ phần Gạch ngói Mitraco	2.087.037.296	2.087.037.296
- Công ty Cổ phần Thức ăn chăn nuôi Thiên Lộc	1945159000	-
- Công ty Cổ phần Phát triển nông lâm Hà Tĩnh	1.633.326.370	1.633.326.370
- Công ty Cổ phần Vận tải và Xây dựng	1.152.540.580	1.152.540.580
- Công ty TNHH Giống và Vật tư Nông nghiệp Mitraco	250.000.000	300.000.000
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan	238.456.199	238.456.199
- Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Mitraco	218.245.306	352.000.000
- Công ty Cổ phần Chăn nuôi Mitraco	120.000.000	806.962.000
- Công ty Cổ phần Thương mại Mitraco	115.650.000	-
- Công ty Cổ phần Vật liệu và Phụ gia sắt Thạch Khê	35.457.126	35.457.126
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>3.324.122.205</b>	<b>2.930.162.624</b>
- Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Mitraco	1.651.371.743	1.651.371.743
- Công ty Cổ phần Thương mại Mitraco	613.540.042	474.010.113
- Công ty Cổ phần Khoáng sản	493.617.405	493.617.405
- Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Mitraco	311.163.363	311.163.363
- Công ty Cổ phần Vận tải và Xây dựng	254.429.652	-

**TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ  
THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CTCP**Số 02 Vũ Quang, phường Trần Phú,  
thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
GIỮA NIÊN ĐỘ**Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024  
đến ngày 30/06/2024**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)***(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)***35. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)****35.1 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)***Số dư với các bên liên quan: (tiếp)*

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Phải thu về cho vay</b>	<b>388.661.049.216</b>	<b>392.171.148.216</b>
<i>Ngắn hạn</i>	<i>22.893.705.392</i>	<i>26.403.804.392</i>
- Công ty Cổ phần Gạch ngói Mitraco	5.182.631.428	5.182.631.428
- Công ty Cổ phần Thương mại Mitraco	4.168.034.789	4.168.034.789
- Công ty Cổ phần Vận tải và Xây dựng	3.394.696.811	3.394.696.811
- Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Mitraco	2.900.881.602	2.410.980.602
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan	2.138.716.464	2.138.716.464
- Công ty Cổ phần Thiên Ý 2	2.108.744.298	2.108.744.298
- Công ty Cổ phần Chăn nuôi Mitraco	2.000.000.000	5.000.000.000
- Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Phát triển hạ tầng Mitraco	1.000.000.000	2.000.000.000
<i>Dài hạn</i>	<i>365.767.343.824</i>	<i>365.767.343.824</i>
- Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Lào - Việt	303.192.116.984	303.192.116.984
- Công ty TNHH Thực phẩm và chế biến Mitraco	60.956.386.886	60.956.386.886
- Công ty Cổ phần Phát triển Nông Lâm Hà Tĩnh	1.618.839.954	1.618.839.954
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>2.325.228.018</b>	<b>5.131.392.018</b>
- Cửa hàng thực phẩm Mitraco Food	1.236.186.018	1.236.186.018
- Công ty TNHH MTV Việt Lào	896.394.000	3.895.206.000
- Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Mitraco	192.648.000	-
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>99.600.440.795</b>	<b>100.148.294.190</b>
- Công ty TNHH MTV Việt Lào	96.425.937.684	97.279.251.079
- Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Lào Việt	2.869.043.111	2.869.043.111
- Công ty Cổ phần Thức ăn chăn nuôi Thiên Lộc	305.460.000	-
<b>Người mua trả tiền trước</b>	<b>1.497.145.945</b>	<b>2.011.945.945</b>
- Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Lào - Việt	1.497.145.945	2.011.945.945
<b>Vay và nợ thuế tài chính</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>30.000.000.000</b>
- Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Lào - Việt	30.000.000.000	30.000.000.000



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

## 35. THÔNG TIN KHÁC

## 35.2 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tổng Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại:

Địa điểm	Mục đích sử dụng	Thời gian thuê	Diện tích thuê	Số tiền thuê
Khối 09, thị trấn Thạch Hà, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh	Làm Nhà máy chế biến các sản phẩm từ nhung hươu	Từ năm 2017 đến năm 2054	12.859 m <sup>2</sup>	Trả tiền thuê đất hàng năm
Tổ 12, thị trấn Cẩm Xuyên, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh	Làm Nhà máy gạch không nung	Từ năm 2015 đến năm 2053	10.221,1 m <sup>2</sup>	Trả tiền thuê đất hàng năm
Tổ dân phố 08, phường Đâu Liêu, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh	Nhà máy sản xuất phân hữu cơ vi sinh	Từ năm 2014 đến năm 2064	7.369 m <sup>2</sup>	Trả tiền thuê đất hàng năm
Xã Kỳ Khang, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh	Làm văn phòng	Từ năm 2017 đến năm 2037	17.610,8 m <sup>2</sup>	Trả tiền thuê đất hàng năm
Tổ 12, thị trấn Cẩm Xuyên, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh; Tổ 7, phường Trần Phú, TP Hà Tĩnh	Làm văn phòng	Từ năm 2018 đến năm 2037	54.777,8 m <sup>2</sup>	Trả tiền thuê đất hàng năm
Khối 09, thị trấn Thạch Hà, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh	Làm Nhà máy chế biến các sản phẩm từ nhung hươu	Từ năm 2017 đến năm 2050	3.321,2 m <sup>2</sup>	Trả tiền thuê đất hàng năm
Tổ 7, phường Trần Phú, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh	Làm văn phòng	Từ năm 2004 đến năm 2054	390,72 m <sup>2</sup>	Trả tiền thuê đất hàng năm
Xóm Tân Phúc, xã Hương Trạch, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh	Kho trung chuyển thạch cao	Từ năm 2012 đến năm 2062	22.856,6 m <sup>2</sup>	Trả tiền thuê đất hàng năm